



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Phích, Ổ cắm SCHUKO

Plugs, Sockets SCHUKO

MADE IN GERMANY



Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
PHÍCH, Ổ CẮM SCHUKO SCHUKO - TYPE PLUGS & SOCKETS - 16A / 230VAC			
	7302	Phích cắm schuko 16A - bằng nhựa - màu xanh Schuko Plug - 16A - blue colour	134.000
	442/GU	Phích cắm schuko 16A - bằng cao su - màu đen Schuko Plug - 16A - black colour	99.500
	716	Ổ cắm âm schuko 16A - bằng nhựa - không nắp Schuko Socket - 16A - without lid	98.000
	7130	Ổ cắm âm schuko 16A - bằng nhựa - có nắp Schuko socket - 16A - with lid	115.000
	452/G	Ổ cắm nối schuko 16A - bằng cao su - không nắp Schuko Connector Socket - 16A -without lid	169.000
	740.351	Ổ cắm nối schuko 16A - bằng cao su - có nắp Schuko Connector Socket - 16A -with lid	180.000
	353/GU	Ổ cắm nối ba ngã - bằng cao su - có nắp Three way Schuko Socket - 16A - with lid	812.000
	749	Ổ cắm nối ba ngã - bằng nhựa - kín nước Three way Schuko Socket - 16A - IP67	4,597,000
	51229	Ổ cắm schuko 16A - 3 ổ Schuko Socket three outlet - 16A - with lid	2,690,000
	722	Đế nối cho ổ cắm âm schuko Surface mouting enclosure for Schuko Socket	133.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Hưng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
PHÍCH & Ổ CẮM CHO CONTAINERS PLUGS, SOCKETS & CONNECTORS FOR REFRIGERATOR CONTAINERS			
	210824	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 Phích cắm - Plug	255.000
	11000	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 Ổ cắm nổi - Surface Socket Không bao gồm cable gland	560.000
	13021	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 Ổ cắm âm - Panel Socket	390.000
	310567	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 Ổ cắm nối - Connector Socket	354.000
	27027	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 Phích gá chìm - Panel Appliance Inlet	584.000
	16050	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 - on / off Socket outlet, switched, Interlocked Không bao gồm cable gland	3,478,000
	17026	32A - 4P - 400V - 3H - IP67 - on/off Socket outlet, switched, Interlock. Không bao gồm cable gland	6,261,000
	2298	32A - 4P - 400V - 3H - IP44 Test Plug for checking the switch board	2,492,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
TỦ ĐIỆN COMBINATION UNITS SURFACE MOUNTING			
	615VTCEE	Tủ điện với MCB và ổ cắm IP67 Kích thước: L x H x D = 163 x 280 x 131 2 ổ cắm CEE: 16A - 3P - 230V - 6H - IP67 2 MCB: 16A - 2P - 6kA	Vui lòng gọi điện (Please call)
	615VTS	Tủ điện với MCB và ổ cắm IP44 Kích thước: L x H x D = 163 x 280 x 131 3 ổ cắm Schuko: 16A - 2P - 230V - IP44 3 MCB: 16A - 1P - 6kA	
	61117VT	Tủ điện với MCB và ổ cắm IP44 Kích thước: L x H x D = 276 x 276 x 148 1 ổ cắm CEE: 16A - 3P - 230V - 6H - IP44 1 ổ cắm CEE: 32A - 3P - 230V - 6H - IP44 1 ổ cắm CEE: 32A - 4P - 400V - 6H - IP44 1 MCB: 16A - 2P - 6kA 1 MCB: 32A - 2P - 6kA 1 MCB: 32A - 3P - 6kA	
	61066VT	Tủ điện với MCB và ổ cắm IP67 Kích thước: L x H x D = 276 x 460 x 148 2 ổ cắm CEE: 16A - 3P - 230V - 6H - IP67 2 ổ cắm CEE: 32A - 4P - 400V - 6H - IP67 2 MCB: 16A - 2P - 6kA 2 MCB: 32A - 3P - 6kA	
	6540VT	Tủ điện với MCB và ổ cắm IP67 Kích thước: L x H x D = 290 x 290 x 205 2 ổ cắm CEE: 32A - 4P - 400V - 6H - IP67 2 MCB: 32A - 3P - 6kA	
Nhận cung cấp theo yêu cầu của khách hàng, giá ưu đãi cho đơn hàng lớn			



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

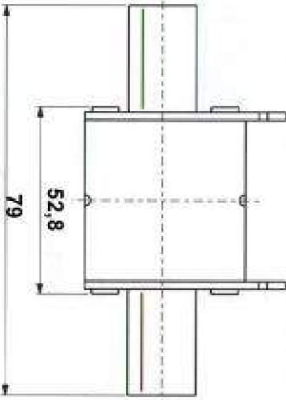
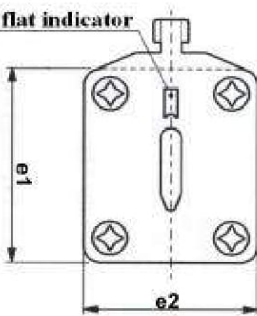
Hình ảnh Picture	Diễn giải Description	Chiều dài Length	Đơn giá (VND) Unit Price
CÁP VỚI Ổ PHÍCH CẮM PLUGS, SOCKET WITH CABLE			
      	1 ổ cắm nối: 16A - 4P - 400V - 6H - IP67 1 phích cắm: 16A - 4P - 400V - 6H - IP67 Cáp H07RN-F 4G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	Vui lòng gọi điện (Please call)
	1 ổ cắm nối: 16A - 4P - 400V - 6H - IP44 1 phích cắm: 16A - 4P - 400V - 6H - IP44 Cáp H07RN-F 4G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	
	1 ổ cắm nối: 16A - 3P - 400V - 6H - IP67 1 phích cắm: 16A - 3P - 400V - 6H - IP67 Cáp H07RN-F 3G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	
	1 ổ cắm nối: 16A - 3P - 400V - 6H - IP44 1 phích cắm: 16A - 3P - 400V - 6H - IP44 Cáp H07RN-F 3G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	
	1 ổ cắm Schuko 3 ngã: 16A - 230V - IP44 1 phích cắm Schuko: 16A - 230V - IP44 Cáp H07RN-F: 3G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	
	1 ổ cắm Schuko: 16A - 230V - IP44 1 phích cắm Schuko: 16A - 230V - IP44 Cáp H07RN-F: 3G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	
	1 ổ cắm Schuko 3 ngã: 16A - 230V - IP67 1 phích cắm Schuko: 16A - 230V - IP44 Cáp H07RN-F: 3G x 1.5 (Germany)	5m 10m 20m 50m	
	Cáp 3G x 1.5 (Dòng tải max 19A) H07RN-F		
	Cáp 3G x 2.5 (Dòng tải max 26A) H07RN-F		
	Cáp 4G x 1.5 (Dòng tải max 19A) H07RN-F		
	Cáp 4G x 2.5 (Dòng tải max 26A) H07RN-F		
	Cáp 4G x 4.0 (Dòng tải max 34A) H07RN-F		
	Cáp 5G x 1.5 (Dòng tải max 19A) H07RN-F		
	Cáp 5G x 2.5 (Dòng tải max 26A) H07RN-F		
Nhận cung cấp theo yêu cầu của khách hàng, giá ưu đãi cho đơn hàng lớn			



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì NH00/000 - 500VAC - gG NH000/00 - fuse links - 500VAC - gG			
  	1B613.000000	2A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	95.000
	1B619.000000	4A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	95.000
	1B623.000000	6A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	95.000
	1B631.000000	10A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	95.000
	1B635.000000	16A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	95.000
	1B637.000000 (370620)	20A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	95.000
	1B639.000000 (370625)	25A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B643.000000	32A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B645.000000	35A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B647.000000	40A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B651.000000	50A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B655.000000	63A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B659.000000	80A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B663.000000	100A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	83.500
	1B765.000000	125A - NH000 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	120.000
	370094	145A - NH000 - gG - e1=40 - e2=30	120.000
	1B769.000000	160A - NH000 - gG - e1=40,5 - e2=20,8	120.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Hưng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì NH0 - 500VAC - gG NH0 - fuse links - 500VAC - gG			
	1B023.000000	6A - NH0 - gG	174.000
	1B031.000000	10A - NH0 - gG	174.000
	1B035.000000	16A - NH0 - gG	174.000
	1B037.000000	20A - NH0 - gG	174.000
	1B039.000000 (378025)	25A - NH0 - gG	174.000
	1B043.000000	32A - NH0 - gG	174.000
	1B045.000000 (378035)	35A - NH0 - gG	174.000
	1B047.000000	40A - NH0 - gG	174.000
	1B051.000000 (378050)	50A - NH0 - gG	174.000
	1B055.000000	63A - NH0 - gG	174.000
	1B059.000000	80A - NH0 - gG	174.000
	1B063.000000	100A - NH0 - gG	174.000
	1B065.000000	125A - NH0 - gG	174.000
	1B069.000000	160A - NH0 - gG	174.000
	1B071.000000	200A - NH0 - gG	174.000
	1B075.000000 (378098)	250A - NH0 - gG	201.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

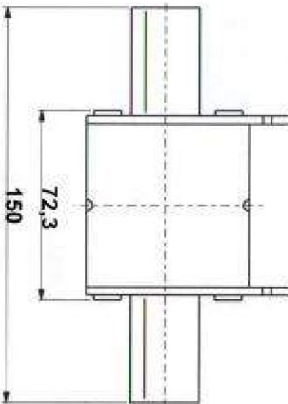
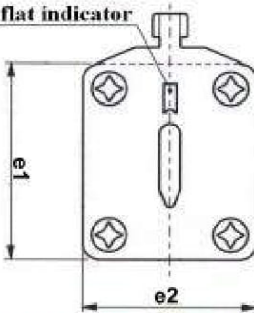
Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì NH1 - 500VAC - gG NH1 - fuse links - 500VAC - gG			
	1B135.000000	16A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B137.000000	20A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B139.000000	25A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B143.000000	32A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B145.000000	35A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B147.000000	40A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B151.000000	50A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B155.000000	63A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B159.000000 (371680)	80A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B163.000000 (371690)	100A - NH1 - gG - e1=47,5 - e2=29,5	166.000
	1B165.000000	125A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	166.000
	1B169.000000	160A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	166.000
	1B171.000000	200A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	187.000
	1B173.000000	224A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	187.000
	1B175.000000	250A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	187.000
	1B179.000000	315A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	187.000
	1B181.000000	355A - NH1 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	187.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cầu chì NH2 - 500VAC - gG NH 2 - fuse links - 500VAC - gG			
  	1B245.000000	35A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B247.000000	40A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B251.000000	50A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B255.000000	63A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B259.000000	80A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B263.000000	100A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B265.000000	125A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B269.000000	160A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B271.000000 (372620)	200A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B273.000000	224A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B275.000000	250A - NH2 - gG - e1=52,5 - e2=39,5	235.000
	1B277.000000	300A - NH2 - gG - e1=60 - e2=51	235.000
	1B279.000000	315A - NH2 - gG - e1=60 - e2=51	235.000
	1B281.000000	355A - NH2 - gG - e1=60 - e2=51	235.000
	1B283.000000	400A - NH2 - gG - e1=60 - e2=51	235.000
	1B285.000000	425A - NH2 - gG - e1=60 - e2=51	235.000
	1B287.000000	500A - NH2 - gG - e1=60 - e2=51	235.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì NH3 - 500VAC - gG NH 3 - fuse links - 500VAC - gG			
	1B363.000000	100A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	305.000
	1B365.000000	125A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	305.000
	1B369.000000	160A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	305.000
	1B371.000000	200A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	305.000
	1B373.000000	224A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	305.000
	1B375.000000	250A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	415.000
	1B377.000000	300A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	415.000
	1B379.000000	315A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	415.000
	1B381.000000	355A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	415.000
	1B383.000000	400A - NH3 - gG - e1=60 - e2=51	415.000
	1B385.000000	425A - NH3 - gG - e1=74 - e2=70	491.000
	1B386.000000	450A - NH3 - gG - e1=74 - e2=70	491.000
	1B387.000000	500A - NH3 - gG - e1=74 - e2=70	491.000
	1B389.000000	630A - NH3 - gG - e1=74 - e2=70	491.000
	1B391.000000	800A - NH3 - gG - e1=74 - e2=70	563.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì - NH4 - 500VAC - gG NH4 - fuse links - 500VAC - gG			
	08004.400700	400A - NH4 - gG	2.200.000
	08004.500700	500A - NH4 - gG	2.200.000
	08004.630700	630A - NH4 - gG	2.200.000
	8004.800700 (374108)	800A - NH4 - gG	2.200.000
	08004.100700 (374110)	1000A - NH4 - gG	2.410.000
	08004.125700	1250A - NH4 - gG	2.410.000
Cầu chì NH4a - 500VAC - gG NH4a - fuse links - 500VAC - gG			
	08014.500700	500A - NH4a - gG	2.267.000
	08014.630700	630A - NH4a - gG	2.267.000
	08014.800700	800A - NH4a - gG	2.267.000
	08014.100700 (374210)	1000A - NH4a - gG	2.520.000
	08014.125700 (374212)	1250A - NH4a - gG	2.520.000
	374216	1600A - NH4a - gG	2.520.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ACCESSORIES FOR NH - FUSE SYSTEM			
NH - fuse material			
Giá đỡ (chân đế) cầu chì NH00/000 → NH4 Fuse Base - NH00/000 → NH4			
 Size 00 to 3 - 1P	41002	NH00 - 1P - Screw	187.000
	41402	NH1 - 1P - Screw	576.000
 Size NH4 - 1P	41502	NH2 - 1P - Screw	750.000
	41602	NH3 - 1P - Screw	998.000
 Size 00 to 3 - 3P	40014	NH4 - 1P - Screw	2.990.000
	41002/3 41016	NH00 - 3P - Screw	669.000
	41402/3	NH1 - 3P - Screw	1.985.000
	41502/3	NH2 - 3P - Screw	2.515.000
	41602/3	NH3 - 3P - Screw	3.487.000
Dụng cụ tháo lắp cầu chì Fuse handle			
	08022.000000	NH00 → NH4	292.000
	08024.000000	NH00 → NH4 (Có bao da bảo vệ)	1.625.000



Plugs CEE

CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45



Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
PHÍCH CẮM LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) PLUGS - WATERTIGHT (IP67)			
 3 Poles - màu xanh	21238	16A - 3P - 230V - 6H - IP67 - TE Plus Quick Connect - Multi Grip	203.000
	21349	16A - 4P - 400V - 6H - IP67 Quick Connect - Multi Grip	248.000
	21239	16A - 5P - 400V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	273.000
	21240	32A - 3P - 230V - 6H - IP67 Quick Connect - Multi Grip	302.000
	21351	32A - 4P - 400V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	314.000
	21241	32A - 5P - 400V - 6H - IP67 Quick Connect - Multi Grip	364.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ	2181	63A - 3P - 230V - 6H - IP67 Multi Grip High temperature resistant contact carrier	882.000
	2185	63A - 4P - 400V - 6H - IP67 Multi Grip High temperature resistant contact carrier	996.000
	2189	63A - 5P - 400V - 6H - IP67 Multi Grip High temperature resistant contact carrier	1.176.000
	2191	125A - 3P - 230V - 6H - IP67 Multi Grip High temperature resistant contact carrier	2,250,000
	2195	125A - 4P - 400V - 6H - IP67 Multi Grip High temperature resistant contact carrier	2,340,000
	2199	125A - 5P - 400V - 6H - IP67 Multi Grip High temperature resistant contact carrier	2,490,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Hưng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
DO - fuse system			
Cầu chì DO 400 VAC - 250 VDC - gG - tiết kiệm điện DO - Fuse 400VAC - 250VDC - gG - energy saving			
	01700.002000	2A - DO1 - E14	18,500
	01700.004000	4A - DO1 - E14	18,500
	01700.006000	6A - DO1 - E14	18,500
	01700.010000	10A - DO1 - E14	18,500
	01700.016000	16A - DO1 - E14	18,500
	01701.020000	20A - DO2 - E18	18,500
	01701.025000	25A - DO2 - E18	18,500
	01701.032000	32A - DO2 - E18	27,000
	01701.035000	35A - DO2 - E18	27,000
	01701.040000	40A - DO2 - E18	27,000
	01701.050000	50A - DO2 - E18	27,000
	01701.063000	63A - DO2 - E18	29,000
	01702.080000	80A - DO3 -M30 x 2	115,000
	01702.100000	100A - DO3 -M30 x 2	125,000

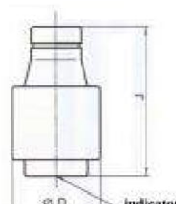
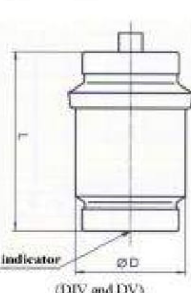
type	nominal current	D (mm)	L (mm)
D01	2 bis 16 A	11	36
D02	20 bis 63 A	15	36
D03	80 und 100 A	20	43



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cầu chì trụ D - 500V AC/DC - gL-gG D - Fuse 500V AC/DC - gL-gG			
   (DIV and DV)	00597.002700	2A - DII - E27	20,000
	00597.004700	4A - DII - E27	20,000
	00597.006700	6A - DII - E27	18,000
	00597.010700	10A - DII - E27	18,000
	00597.016700	16A - DII - E27	18,000
	0597.020700	20A - DII - E27	18,000
	0597.025700	25A - DII - E27	18,000
	0598.035700	35A - DIII - E33	24,000
	0598.050700	50A - DIII - E33	24,000
	0598.063700	63A - DIII - E33	24,000
	0595.080700	80A - DIV - R 1 1/4"	155,000
	0595.100700	100A - DIV - R 1 1/4"	155,000
	0596.125700	125A - DV - R 2"	435,000
	0596.160700	160A - DV - R 2"	435,000
	0596.200700	200A - DV - R 2"	435,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ACCESSORIES FOR D/DO - FUSE SYSTEM			
Đế cầu chì gắn trên thanh rail, bao gồm chụp nhựa bảo vệ - D/DO Fuse base for Din-rail, included plastic cover - D/DO			
 (1 pole)	01720.170000	DO1 - 16A - 1P - E14	78,000
	01730.172000	DO1 - 16A - 3P - E14	220,000
	01721.270000	DO2 - 63A - 1P - E18	112,000
	01731.272000	DO2 - 63A - 3P - E18	245,000
 (3 poles)	01722.470000	DO3 - 100A - 1P - M30x2	810,000
	0685.110000	DII - 25A - 1P - E27	130,000
	0625.171000	DII - 25A - 3P - E27	645,000
	0686.410000	DIII - 63A - 1P - E33	215,000
	0626.171000	DIII - 63A - 3P - E33	683,000
Nắp chụp cầu chì D/DO Screw caps - D/DO			
	01710.000200	DO1 - 16A - E14	19,000
	01711.000200	DO2 - 63A - E18	22,000
	01712.000200	DO3 - 100A - M30x2	69,000
	0590.000200	DII - 25A - E27	29,000
	0591.000200	DIII - 63A - E33	42,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45



Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Khoen định vị cầu chì D/DO D/DO - cartridge ring adapter inserts			
	01705.002000	DO1 - 2A - E14	11,000
	01705.004000	DO1 - 4A - E14	11,000
	01705.006000	DO1 - 6A - E14	11,000
	01705.010000	DO1 - 10A - E14	11,000
	01706.020000	DO2 - 20A - E18	16,000
	01706.025000	DO2 - 25A - E18	16,000
	01706.035000	DO2 - 32A/35A/40A - E18	16,000
	01706.050000	DO2 - 50A - E18	16,000
	01707.080000	DO3 - 80A - M30 x 2	25,000
	01657.002000	D II - 2A - E27	16,000
	01657.004000	D II - 4A - E27	16,000
	01657.006000	D II - 6A - E27	16,000
	01657.010000	D II - 10A - E27	16,000
	01657.016000	D II - 16A - E27	16,000
	01657.020000	D II - 20A - E27	19,000
	01657.025000	D II - 25A - E27	19,000
	01658.035000	D III - 35A - E33	25,000
	01658.050000	D III - 50A - E33	25,000
	01658.063000	D III - 63A - E33	25,000
Khóa định vị mở khoen cầu chì D D - screw-adaptor key			
	01657.993000	DII - DIII	275,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cylindrical fuse system			
Cầu chì ống 400V AC - gG - 8 x 31 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse links - 400V AC - gG - 8 x 31 mm - energy saving			
	Q219227J	2A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	W222958J	4A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	A211025J	6A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	B213096J	8A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	A214613J	10A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	R216146J	12A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	P216650J	16A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	F217677J	20A - gG - 8 x 31 mm	26,000
	D218710J	25A - gG - 8 x 31 mm	26,000
Cầu chì ống 500V AC - gG - 10 x 38 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse links - 500V AC - gG - 10 x 38 mm - energy saving			
	B212061J	1A - gG - 10 x 38 mm	45,000
	D213098J	2A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	X213598J	4A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	K215128J	6A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	D217169J	8A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	S218194J	10A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	W219761J	12A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	G200750J	16A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	D211028J	20A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	E213099J	25A - gG - 10 x 38 mm	35,000
	A214107J	32A - gG - 10 x 38 mm	35,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cầu chì ống 690 V AC - gG - 14 x 51 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse links - 690V AC - gG - 14 x 51 mm - energy saving			
	Y219234J	2A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	A219765J	4A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	H222210J	6A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	D222965J	8A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	L200754J	10A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	L201812J	12A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	A211554J	16A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	Z212588J	20A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	C213603J	25A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	W216656J	32A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	X218198J	40A - gG - 14 x 51 mm	56,000
	Z219235J	50A - gG - 14 x 51 mm	56,000
Cầu chì ống 690V AC - gG - 22 x 58 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse links - 690V AC - gG - 22 x 58 mm - energy saving			
	P222216J	6A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	L222972J	8A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	T200761J	10A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	J201304J	12A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	S201818J	16A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	P211038J	20A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	N212072J	25A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	F212594J	32A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	J213609J	40A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	P214626J	50A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	Y215646J	63A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	Q217180J	80A - gG - 22 x 58 mm	98,000
	E218205J	100A - gG - 22 x 58 mm	121,000
	J219773J	125A - gG - 22 x 58 mm	121,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

m.schneider

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì ống 500V AC - aM - 10 x 38 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse links - 500V AC - aM - 10 x 38 mm - energy saving			
	H218714J	2A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	W219232J	4A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	F222208J	6A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	Z201295J	8A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	Y211552J	10A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	A213601J	12A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	F214618J	16A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	X216151J	20A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	G217172J	25A - aM - 10 x 38 mm	43,000
	J218715J	32A - aM - 10 x 38 mm	57,000
Cầu chì ống 690V AC - aM - 14 x 51 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse - 690V AC - aM - 14 x 51 mm - energy saving			
	H214114J	2A - aM - 14 x 51 mm	82,000
	K214622J	4A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	S215135J	6A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	T215642J	8A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	Z216659J	10A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	M217177J	12A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	Q217686J	16A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	P218720J	20A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	E219769J	25A - aM - 14 x 51 mm	70,000
	M222214J	32A - aM - 14 x 51 mm	86,000
	Q200758J	40A - aM - 14 x 51 mm	86,000
	E211558J	50A - aM - 14 x 51 mm	86,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cầu chì ống 690V AC - aM - 22 x 58 mm - tiết kiệm điện Cylindrical fuse links - 690V AC - aM - 22 x 58 mm - energy saving			
	N213613J	40A - aM - 22 x 58 mm	131,000
	R214122J	50A - aM - 22 x 58 mm	131,000
	C215650J	63A - aM - 22 x 58 mm	144,000
	H216667J	80A - aM - 22 x 58 mm	144,000
	Y217693J	100A - aM - 22 x 58 mm	152,000
	J218209J	125A - aM - 22 x 58 mm	152,000
ACCESSORIES FOR CYLINDRICAL - FUSE SYSTEM			
Bộ chuyển mạch cầu chì 690V AC - max.32A - kích thước 10 x 38 mm Fuse switch disconnecter 690V AC - max.32A - size 10 x 38 mm			
 (Single pole)	T305020K	Single pole	147,000
	W305022F	double pole	315,000
	X305023D	triple pole	465,000
	Y305024C	triple pole + neutral conductor	880,000
Bộ chuyển mạch cầu chì 690V AC - max.50A - kích thước 14 x 51 mm Fuse switch disconnecter 690V AC - max.50A - size 14 x 51 mm			
 (Double)	A331016F	Single pole	382,000
	R331031C	double pole	652,000
	S331032B	triple pole	989,000
	D331042A	triple pole + neutral conductor	1,836,000
Bộ chuyển mạch cầu chì 690V AC - max.125A - kích thước 22 x 58 mm Fuse switch disconnecter 690V AC - max.125A - size 22 x 58 mm			
 (Triple pole)	T331079F	Single pole	644,000
	Q331122C	double pole	1,530,000
	E331135B	triple pole	2,269,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
G - Miniature fuse system			
Cầu chì 5 x 20 mm - 250V AC - F (rapid) - ống kính Miniature fuse links - 250V AC - 5 x 20 mm - F (rapid) - glass tube			
	B201274Q	50mA - F - 5 x 20 mm	46,000
	L201789Q	63mA - F - 5 x 20 mm	46,000
	K211011Q	80mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	L200731Q	100mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	A201273Q	125mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	K201788Q	160mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	J211010Q	200mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	A211531Q	250mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	F212042Q	315mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	B211532Q	400mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	Y212564Q	500mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	J213080Q	630mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	G212043Q	800mA - F - 5 x 20 mm	7,000
	D213581Q	1A - F - 5 x 20 mm	7,000
	D214087Q	1.25A - F - 5 x 20 mm	7,000
	Z212565Q	1.6A - F - 5 x 20 mm	7,000
	J214598Q	2A - F - 5 x 20 mm	7,000
	Q215110Q	2.5A - F - 5 x 20 mm	7,000
	R215617Q	3.15A - F - 5 x 20 mm	7,000
	Z216130Q	4A - F - 5 x 20 mm	7,000
	W216633Q	5A - F - 5 x 20 mm	7,000
	H217150Q	6.3A - F - 5 x 20 mm	7,000
	M217660Q	8A - F - 5 x 20 mm	7,000
	X218175Q	10A - F - 5 x 20 mm	7,000
	K218693Q	12A - F - 5 x 20 mm	7,000
	Y219211Q	16A - F - 5 x 20 mm	7,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cầu chì 5 x 20 mm - 250V AC - M (medium slow) - ống kính Miniature fuse links 250V AC - 5 x 20 mm - M (medium slow) - glass tube			
	D218158Q	32mA - M - 5 x 20 mm	95,000
	D219193Q	50mA - M - 5 x 20 mm	95,000
	H219726Q	63mA - M - 5 x 20 mm	40,000
	Q222171Q	80mA - M - 5 x 20 mm	40,000
	K222925Q	100mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	T200715Q	125mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	H201257Q	160mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	T201773Q	200mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	K207147Q	250mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	J211516Q	315mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	N212026Q	400mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	F212548Q	500mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	R213064Q	630mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	M213566Q	800mA - M - 5 x 20 mm	7,000
	L214071Q	1A - M - 5 x 20 mm	7,000
	T214584Q	1.25A - M - 5 x 20 mm	7,000
	A215096Q	1.6A - M - 5 x 20 mm	7,000
	A215602Q	2A - M - 5 x 20 mm	7,000
	H216115Q	2.5A - M - 5 x 20 mm	7,000
	E216618Q	3.15A - M - 5 x 20 mm	7,000
	R217135Q	4A - M - 5 x 20 mm	7,000
	E218159Q	5A - M - 5 x 20 mm	7,000
	R218676Q	6.3A - M - 5 x 20 mm	7,000
	E219194Q	8A - M - 5 x 20 mm	7,000
	J219727Q	10A - M - 5 x 20 mm	7,000
	R222172Q	16A - M - 5 x 20 mm	7,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Plugs CEE



Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price	
PHÍCH CÂM LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) PLUGS - SPLASHPROOF (IP44)				
 3 Poles - màu xanh	21001	16A - 3P - 230V - 6H - IP44 Screw terminals	99.000	
	2126	16A - 3P - 230V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	99.000	
	2130	16A - 4P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	115.000	
	2136	16A - 5P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	127.000	
	2138	32A - 3P - 230V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	150.000	
	2142	32A - 4P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	172.000	
	2148	32A - 5P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	210.000	
	 Trên 3 Poles - màu đỏ	2104	63A - 3P - 230V - 6H - IP44 High temperature resistant contact carrier	740.000
		2151	63A - 4P - 400V - 6H - IP44 High temperature resistant contact carrier	798.000
		2155	63A - 5P - 400V - 6H - IP44 High temperature resistant contact carrier	820.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

m.schneider

THIÊN THÀNH

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Cầu chì 5 x 20 mm - 250V AC - T (slow) - ống kính Miniature fuse links - 250V AC - 5 x 20 mm - T (slow) - glass tube			
	C216639Q	32mA - T - 5 x 20 mm	35,000
	T217666Q	50mA - T - 5 x 20 mm	35,000
	D218181Q	63mA - T - 5 x 20 mm	35,000
	R218699Q	80mA - T - 5 x 20 mm	35,000
	B216638Q	100mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	N217155Q	125mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	S217665Q	160mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	C218180Q	200mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	Q218698Q	250mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	D219216Q	315mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	E219217Q	400mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	F219747Q	500mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	N222192Q	630mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	G219748Q	800mA - T - 5 x 20 mm	7,000
	J222947Q	1A - T - 5 x 20 mm	7,000
	S200737Q	1.25A - T - 5 x 20 mm	7,000
	P222193Q	1.6A - T - 5 x 20 mm	7,000
	G201279Q	2A - T - 5 x 20 mm	7,000
	R201794Q	2.5A - T - 5 x 20 mm	7,000
	Q211016Q	3.15A - T - 5 x 20 mm	7,000
	G211537Q	4A - T - 5 x 20 mm	7,000
	M212048Q	5A - T - 5 x 20 mm	7,000
	E212570Q	6.3A - T - 5 x 20 mm	7,000
	Q213086Q	8A - T - 5 x 20 mm	7,000
	J213586Q	10A - T - 5 x 20 mm	7,000
	P214603Q	12.5A - T - 5 x 20 mm	7,000
	X215116Q	16A - T - 5 x 20 mm	7,000
	Y215623Q	20A - T - 5 x 20 mm	7,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Cầu chì 6 x 32 mm - 250V AC - T (slow) - ống kính Miniature fuse links - 250V AC - 6 x 32 mm - T (slow) - glass tube			
	S217159Q	50mA - T - 6 x 32 mm	19,000
	X217669Q	63mA - T - 6 x 32 mm	19,000
	G218184Q	80mA - T - 6 x 32 mm	19,000
	M214095Q	100mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	Q214604Q	125mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	A215625Q	160mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	G216137Q	200mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	E216641Q	250mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	R217158Q	315mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	V218702Q	400mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	W217668Q	500mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	F218183Q	630mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	H219220Q	800mA - T - 6 x 32 mm	13,000
	T218701Q	1A - T - 6 x 32 mm	13,000
	G219219Q	1.25A - T - 6 x 32 mm	13,000
	K219751Q	1.6A - T - 6 x 32 mm	13,000
	J219750Q	2A - T - 6 x 32 mm	13,000
	R222195Q	2.5A - T - 6 x 32 mm	13,000
	M222950Q	3.15A - T - 6 x 32 mm	13,000
	W200740Q	4A - T - 6 x 32 mm	13,000
	K201282Q	5A - T - 6 x 32 mm	13,000
	Q212051Q	6.3A - T - 6 x 32 mm	13,000
	H212573Q	8A - T - 6 x 32 mm	13,000
	S213088Q	10A - T - 6 x 32 mm	13,000
	L213588Q	12.5A - T - 6 x 32 mm	13,000
	N214096Q	16A - T - 6 x 32 mm	13,000
	R214605Q	20A - T - 6 x 32 mm	13,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HIGH VOLTAGE FUSE LINKS partial range fuse links in accordance with VDE 0670 part 4/DIN 43 625 - KEMA tested - suitable for indoor and outdoor specification design with striker in accordance with 43 625			
Norminal voltage 10/24 kV			
	F1000252A	6.3A (d = 56 mm)	2,250,000
	G1000253A	10A (d = 56 mm)	2,250,000
	H1000254A	16A (d = 56 mm)	2,250,000
	J1000255A	20A (d = 56 mm)	2,250,000
	K1000256A	25A (d = 56 mm)	2,450,000
	L1000257A	31.5 (d = 56 mm)	2,950,000
	M1000258A	40A (d = 56 mm)	3,210,000
	N1000259A	50A (d = 65 mm)	3,450,000
	P1000260A	63A (d = 65 mm)	3,890,000
	Q1000261A	80A (d = 65 mm)	4,610,000
	R1000262A	100A (d = 88 mm)	5,896,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Doepke

Hình ảnh Picture	Diễn giải Description					Đơn giá Unit Price (VND)
Sensitive to AC residual current	Số cực Poles	Dòng điện Current (A)	Dòng rò Sensitive (A)	Điện áp Voltage (V) 50Hz	Mã số Cat. No.	
	2 poles	25	0.03	230	09 124 602	1,048,000
	2 poles	40	0.03	230	09 134 602	1,048,000
	2 poles	63	0.03	230	09 144 602	1,048,000
	4 poles	25	0.03	230/400	09 124 902	1,572,000
	4 poles	40	0.03	230/400	09 134 902	1,572,000
	4 poles	63	0.03	230/400	09 144 902	2,177,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Diễn giải Description			Đơn giá (VNĐ) Unit Price
B/C - Curve 10 kA	Số cực Poles	Dòng điện (A) Current (A)	Mã số Cat. No.	
	1 Pole	6	09 916 199	119.000
	1 Pole	10	09 916 201	119.000
	1 Pole	16	09 916 203	119.000
	1 Pole	20	09 916 204	119.000
	1 Pole	25	09 916 205	119.000
	1 Pole	32	09 916 206	119.000
	1 Pole	40	09 916 207	119.000
	1 Pole	50	09 916 208	208.000
	1 Pole	63	09 916 209	307.000
	2 Pole	6	09 916 259	291.000
	2 Pole	10	09 916 261	291.000
	2 Pole	16	09 916 263	291.000
	2 Pole	20	09 916 264	291.000
	2 Pole	25	09 916 265	291.000
	2 Pole	32	09 916 266	291.000
	2 Pole	40	09 916 267	291.000
	2 Pole	50	09 916 268	479.000
	2 Pole	63	09 916 269	633.000
	3 Pole	6	09 916 289	889.000
	3 Pole	10	09 916 291	889.000
	3 Pole	16	09 916 293	889.000
	3 Pole	20	09 916 294	889.000
	3 Pole	25	09 916 295	889.000
	3 Pole	32	09 916 296	889.000
	3 Pole	40	09 916 297	889.000
	3 Pole	50	09 916 298	1,171,000
	3 Pole	63	09 916 299	1,282,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Pictures	Mã số Cat.No	Diễn giải Description	Đơn giá Unit Price (VND)
 55-1000-005	55-1000-005	Đèn ốp trần tròn, thủy tinh, lưới nhựa, trắng Kích thước : D x H : 220 x 100mm, 100W	215,000
 55-1000-006	55-1000-006	Đèn ốp trần tròn, thủy tinh, lưới nhựa, xanh Kích thước : D x H : 220 x 100mm, 100W	
 52-1005-005	52-1005-0005G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới nhựa, trắng Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	102,000
 52-1005-006	52-1005-0006G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới nhựa, xanh Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	
 52-1005-001	52-1005-0001G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới nhựa, đen Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	
 52-1002-005	52-1002-0005G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới sắt Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	
 52-1001-005	52-1001-0005G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới sắt xi, để trắng Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	
 52-1001-006	52-1001-0006G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới sắt xi, để xanh Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	
 52-1000-005	52-1000-0005G	Đèn ốp trần oval, thủy tinh, lưới sắt sơn trắng, để trắng Kích thước : L x B x H : 170 x 125 x 100mm, 60W	210,000
 52-1040-0001	52-1040-0001	Đèn ốp tường oval, thủy tinh, lưới nhựa, đen L x B x H: 203 x133 x 102 mm, 60W	
 52-1040-0033	52-1040-0033	Đèn ốp tường oval, thủy tinh, lưới nhựa, đỏ L x B x H: 203 x133 x 102 mm, 60W	
 52-1040-0005	52-1040-0005	Đèn ốp tường oval, thủy tinh, lưới nhựa, trắng L x B x H: 203 x133 x 102 mm, 60W	
 52-1040-0026	52-1040-0026	Đèn ốp tường oval, thủy tinh, lưới nhựa, xanh L x B x H: 203 x133 x 102 mm, 60W	



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM GẮN NỔI - LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) - Không bao gồm cable gland SURFACE MOUNTING SOCKET OUTLETS - WATERTIGHT (IP67) - Not included cable gland			
 3 Poles - màu xanh	1133	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	360.000
	1137	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	395.000
	1143	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	446.000
	1145	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	477.000
	1149	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	486.000
	1155	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	565.000
	1157	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	1,360,000
	1161	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	1,385,000
	1161P	63A - 4P + Pilot - 400V - 6H - IP67	1,385,000
	1165 1112	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	1,549,000
 Trên 3 Poles - màu đỏ	11437	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	3,122,000
	11441	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	3,570,000
	11447	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	3,596,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM GẮN NỔI - LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) - Không bao gồm cable gland SURFACE MOUTING SOCKET OUTLETS - SPLASHPROOF (IP44) - Not included cable gland			
 3 Poles - màu xanh	11765	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	185.000
	11645	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	164.000
	115	16A - 4P - 400V - 6H - IP44 With base of enclosure	217.000
 3 Poles - màu xanh With base of enclosure	100	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	175.000
	102	16A - 5P - 400V - 6H - IP44 With base of enclosure	285.000
	11651	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	218.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ	11646	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	220.000
	101	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	225.000
	103	32A - 5P - 400V - 6H - IP44 With base of enclosure	337.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ With base of enclosure	1104	63A - 3P - 230V - 6H - IP44 With base of enclosure	910.000
	1127	63A - 4P - 400V - 6H - IP44 With base of enclosure	925.000
	1127P	63A - 4P + Pilot - 400V - 6H - IP44 With base of enclosure	955.000
	1124	63A - 5P - 400V - 6H - IP44 With base of enclosure	1,010,000
Ổ CẮM GẮN NỔI PHỐI HỢP Không bao gồm cable gland			
 	160	16A - 4P - 400V - 6H - IP44 (ON / OFF) Socket Outlet, switch, interlocked	2,185,000
	107	16A - 5P - 400V - 6H - IP44 Schuko socket 16A - 2P - 230V - IP44 KT Combination Unit	498.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM GẮN ÂM - LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) PANEL MOUNTING SOCKET OUTLETS - WATERTIGHT (IP67)			
 3 Poles - màu xanh Angled - Nghiêng	13720	16A - 3P - 230V - 6H - IP67 Straight (62 x 62) mm	220.000
	12813	16A - 3P - 230V - 6H - IP67 Angled (85 x 85) mm	220.000
	12739	16A - 4P - 400V - 6H - IP67 Straight (75 x 75) mm	273.000
	12814	16A - 4P - 400V - 6H - IP67 Angled (85 x 85) mm	273.000
 3 Poles - màu xanh Straight - Thẳng	13745	16A - 5P - 400V - 6H - IP67 Straight (75 x 75) mm	340.000
	12817	16A - 5P - 400V - 6H - IP67 Angled (85 x 85) mm	340.000
	13750	32A - 3P - 230V - 6H - IP67 Straight (75 x 75) mm	329.000
	12819	32A - 3P - 230V - 6H - IP67 Angled (85 x 85) mm	329.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ Angled - Nghiêng	13756	32A - 4P - 400V - 6H - IP67 Straight (75 x 75) mm	339.000
	12821	32A - 4P - 400V - 6H - IP67 Angled (85 x 85) mm	339.000
	13762	32A - 5P - 400V - 6H - IP67 Straight (75 x 75) mm	408.000
	12824	32A - 5P - 400V - 6H - IP67 Angled (85 x 85) mm	408.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ Straight - Thẳng	12001	63A - 3P - 230V - 6H - IP67 Angled (114 x 114) mm	959.000
	1200	63A - 4P - 400V - 6H - IP67 Angled (114 x 114) mm	906.000
	129	63A - 5P - 400V - 6H - IP67 Angled (114 x 114) mm	960.000
	12100	125A - 3P - 230V - 6H - IP67 Angled (114 x 114) mm	3,109,000
	12104	125A - 4P - 400V - 6H - IP67 Angled (114 x 114) mm	2,998,000
	12108	125A - 5P - 400V - 6H - IP67 Angled (114 x 114) mm	3,210,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tường Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
Ổ CẮM GẮN ÂM - LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) PANEL MOUNTING SOCKET OUTLETS - SPLASHPROOF (IP44)			
 3 Poles - màu xanh Angled - Nghiêng	13686	16A - 3P - 230V - 6H - IP44 Straight (75 x 75) mm	145.000
	12772	16A - 3P - 230V - 6H - IP44 Angled (74 x 62) mm	145.000
	13693	16A - 4P - 400V - 6H - IP44 Straight (75 x 75) mm	169.000
	12753	16A - 4P - 400V - 6H - IP44 Angled (85 x 85) mm	169.000
	132001	16A - 5P - 400V - 6H - IP44 Straight (75 x 75) mm	193.000
 3 Poles - màu xanh Straight - Thẳng	12757	16A - 5P - 400V - 6H - IP44 Angled (85 x 85) mm	193.000
	13703	32A - 3P - 230V - 6H - IP44 Straight (75 x 75) mm	220.000
	12761	32A - 3P - 230V - 6H - IP44 Angled (85 x 85) mm	220.000
	13710	32A - 4P - 400V - 6H - IP44 Straight (75 x 75) mm	239.000
	12764	32A - 4P - 400V - 6H - IP44 Angled (85 x 85) mm	239.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ Angled - Nghiêng	132002	32A - 5P - 400V - 6H - IP44 Straight (75 x 75) mm	259.000
	12768	32A - 5P - 400V - 6H - IP44 Angled (85 x 85) mm	259.000
	1307	63A - 3P - 230V - 6H - IP44 Straight (107 x 100) mm	791.000
	12135	63A - 3P - 230V - 6H - IP44 Angled (114 x 114) mm	791.000
	134	63A - 4P - 400V - 6H - IP44 Straight (107 x 100) mm	790.000
 Trên 3 Poles - màu đỏ Straight - Thẳng	1201	63A - 4P - 400V - 6H - IP44 Angled (114 x 114) mm	790.000
	136	63A - 5P - 400V - 6H - IP44 Straight (107 x 100) mm	895.000
	1202	63A - 5P - 400V - 6H - IP44 Angled 15° (114 x 114) mm	895.000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM NỔI - LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) CONNECTOR SOCKETS - WATERTIGHT (IP67)			
 3 Poles - màu xanh	31240	16A - 3P - 230V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	238.000
	31241	16A - 4P - 400V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	305.000
	31243	16A - 5P - 400V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	372.000
	31244	32A - 3P - 230V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	369.000
	31245	32A - 4P - 400V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	382.000
	31247	32A - 5P - 400V - 6H - IP67 - TE plus Quick Connect - Multi Grip	458.000
	3181	63A - 3P - 230V - 6H - IP67 - TE plus	1,010,000
 Trên 3 Poles - màu đỏ	3185	63A - 4P - 400V - 6H - IP67 - TE plus	980.000
	3124	63A - 5P - 400V - 6H - IP67 - TE plus	1,049,000
	3191	125A - 3P - 230V - 6H - IP67 - TE plus	3,884,000
	3195	125A - 4P - 400V - 6H - IP67 - TE plus	3,098,000
	3199	125A - 5P - 400V - 6H - IP67 - TE plus	3,599,000



CÔNG TY TNHH TM-DV-KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10, Quận 05, TP.HCM

ĐT : (028) 38 55 12 92 - (028) 38 55 46 75 Fax : (028) 38 55 36 45

Hình ảnh Picture	Mã số Cat. No.	Diễn giải Description	Đơn giá (VND) Unit Price
Ổ CẮM NỐI - LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) CONNECTOR SOCKETS - SPLASHPROOF (IP44)			
 3 Poles - màu xanh  Trên 3 Poles - màu đỏ	31001 TLS	16A - 3P - 230V - 6H - IP44 Screw Terminals	129.000
	3126	16A - 3P - 230V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	129.000
	3130	16A - 4P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	149.000
	3136	16A - 5P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	179.000
	3138	32A - 3P - 230V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	207.000
	3142	32A - 4P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	202.000
	3148	32A - 5P - 400V - 6H - IP44 Quick Connect - Multi Grip	222.000
	3104	63A - 3P - 230V - 6H - IP44 Screw Terminals	830.000
	3151	63A - 4P - 400V - 6H - IP44 Screw Terminals	869.000
	3112	63A - 5P - 400V - 6H - IP44 Screw Terminals	880.000